

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Autobase Plus MM Q325 Orange (Red)

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất) : Autobase Plus MM Q325 Orange (Red)

SDS code : R26775

Sử dụng hóa chất theo đúng các khuyến cáo và qui định hạn chế sử dụng

Mục đích sử dụng
Dùng trong công nghiệp
Giới hạn sử dụng
Consumer use

Nhà sản xuất : PT Akzo Nobel Car Refinishes Indonesia
Jalan Raya Pulogadung No. 37
Kawasan Industry Pulogadung
Jakarta 13015
Telpon +62 21 461 0191
Fax +62 21 461 0190
www.sikkensvr.com

Địa chỉ email của người chịu trách nhiệm đối với bảng SDS này : PSRA_SSH@akzonobel.com

Số điện thoại khẩn cấp : + 31 (0)71 308 6944

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Mức xếp loại nguy hiểm : CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 3
ĂN MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 3
NHẠY DA - Loại 1
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Các tác dụng gây mê) - Loại 3

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo :

Cảnh báo

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 11/2/2023

Phiên bản : 1

Ngày phát hành lần trước : Trước đây chưa thẩm định

1/13

AkzoNobel

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Cảnh báo nguy cơ	: Hơi và chất lỏng dễ cháy. Gây kích ứng da nhẹ. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da. Có thể gây uể oải hoặc chóng mặt.
Các công bố về phòng ngừa	
Ngăn chặn	: Mang găng tay bảo hộ. Mang quần áo bảo hộ. Đeo đồ bảo vệ mắt hoặc mặt nạ. Giữ tránh xa nguồn nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và bề mặt nóng. Không được hút thuốc. Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở một khu vực được thông khí tốt. Tránh hít thở hơi. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc.
Phản ứng	: NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở. Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc nếu quý vị cảm thấy không khỏe. NẾU BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Tháo bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Súc rửa bằng nước. NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại. Nếu xảy ra kích ứng hoặc mẩn đỏ da: Hãy tìm chăm sóc y tế.
Lưu trữ	: Cất giữ khóa kín.
Xử lý	: Thải bỏ sơn và thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	: Không biết chất nào.

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/pha chế : Hỗn hợp

Tên thành phần nguy hiểm	%	Số CAS
butylaxetat	≥25 - ≤50	123-86-4
2-methoxy-1-methylethyl acetate	≤10	108-65-6
1-metoxo-2-propanol	≤10	107-98-2
xylene	≤3	1330-20-7
2-(4-(Diethylaminopropylcarbamoyl)fenylazo)-3-oxo-N-(2,3-dihydro-2-oxobenzimidazool-5-yl)butyramide	<1	164578-14-7

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt	: Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nếu dị ứng không giảm, phải có chăm sóc y tế.
Hít phải	: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khóis vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thở vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nói lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Tiếp xúc ngoài da** : Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu thấy có than phiền hay triệu chứng, tránh cho phơi nhiễm tiếp. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
- Nuốt phải** : Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được nuốt bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- Tiếp xúc mắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Hít phải** : Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Có thể gây uể oải hoặc chóng mặt.
- Tiếp xúc ngoài da** : Gây kích ứng da nhẹ. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
- Nuốt phải** : Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS).

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

- Tiếp xúc mắt** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ
- Hít phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh
- Tiếp xúc ngoài da** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ
- Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** : Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
- Điều trị cụ thể** : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
- Bảo vệ nhân viên sơ cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp : Dùng hóa chất khô, CO₂, bụi nước hay bọt.

Các chất chữa cháy không phù hợp : Đừng dùng tia nước.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất : Hơi và chất lỏng dễ cháy. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm : Các sản phẩm làm thổi rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
carbon dioxit
carbon monoxit
ôxít nitơ
hợp chất halogen hóa

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất cả mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chữa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chữa phơi ra lửa.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Cho các nhân viên cấp cứu : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục "Cho người không phải nhân viên cấp cứu".

Đề phòng cho môi trường : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

- Biện pháp bảo vệ** : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Đừng nuốt. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Dùng thiết bị bằng điện (quạt, đèn, dụng cụ xử lý vật liệu) không gây nổ. Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.
- Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát** : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.
- Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ** : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
butylacetat	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2019). STEL: 150 ppm 15 phút. TWA: 50 ppm 8 giờ.
1-metoxxy-2-propanol	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2019). STEL: 369 mg/m³ 15 phút. STEL: 100 ppm 15 phút. TWA: 184 mg/m³ 8 giờ. TWA: 50 ppm 8 giờ.
xylene	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2019). Ghi chú: 1996 Adoption Substances for which there is a Biological Exposure Index or Indices Refers to Appendix A -- Carcinogens. STEL: 651 mg/m³ 15 phút. STEL: 150 ppm 15 phút. TWA: 434 mg/m³ 8 giờ. TWA: 100 ppm 8 giờ.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** : Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Dùng các phương tiện che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hay các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức phơi nhiễm của công nhân đối với khí độc hại thấp hơn bất kỳ giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định. Các phương tiện kiểm soát cũng cần giữ cho độ tập trung của khí, hơi hoặc bụi dưới bất kỳ giới hạn gây nổ nào. Sử dụng thiết bị thông hơi chống nổ.
- Kiểm soát phơi nhiễm môi trường** : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Biện pháp vệ sinh** : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.
- Bảo vệ mắt** : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính chống văng hóa chất.
- Bảo vệ da**
- Bảo vệ tay** : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất găng cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.
- Bảo vệ thân thể** : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Khi có nguy cơ cháy do tĩnh điện, phải sử dụng trang phục bảo hộ chống tĩnh điện. Để đạt được hiệu quả bảo vệ chống tĩnh điện tốt nhất, trang phục cần bao gồm bộ áo liền quần, ủng và găng tay chống tĩnh điện.
- Biện pháp bảo vệ da khác** : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
- Bảo vệ hô hấp** : Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác.

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Bề ngoài

- Trạng thái vật lý** : Chất lỏng.
- Màu sắc** : Không có sẵn.
- Mùi** : Không có sẵn.
- Ngưỡng về mùi** : Không có sẵn.
- pH** : Không có sẵn.
- Điểm chảy/điểm đông** : Không có sẵn.

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Điểm sôi và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	: 120°C
Điểm bùng cháy	: Cốc đầy kín: 26°C
Tỷ lệ hóa hơi	: Không có sẵn.
Khả năng cháy	: Không có sẵn.
Giới hạn nổ trên và dưới/giới hạn cháy	: Mức độ lớn nhất được biết: Thấp hơn: 1.48% Trên: 13.74% (1-metoxi-2-propanol)
Áp suất hóa hơi	: Không có sẵn.
Mật độ hơi tương đối	: Trị số cao nhất được biết: 4.6 (Không khí = 1) (2-methoxy-1-methylethyl acetate). Bình quân gia trọng: 3.96 (Không khí = 1)
Mật độ tương đối (Các) độ tan	: 1.016
Hệ số phân chia nước/Octanol	: Không có sẵn.
Nhiệt độ tự cháy	: Không có sẵn.
Nhiệt độ phân hủy	: Không có sẵn.
Tính dẻo	: Động lực học (nhiệt độ phòng): 2.17 cm²/s
Thuộc tính nổ	: Không có sẵn.
Thuộc tính oxy hóa	: Không có sẵn.
Độ hòa tan trong nước	: Không có sẵn.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
Tính ổn định	: Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	: Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa). Đừng ép, cắt, nối, đánh đồng, hàn, soi, nghiền hoặc phơi các đồ đựng ra chỗ nóng hoặc nguồn kích hỏa.
Các vật liệu không tương thích	: Phản ứng hay không tương thích với các chất sau: chất oxy hóa
Sản phẩm phân rã có môi nguy	: Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rửa.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc	
Độc tính cấp tính	

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
butylaxetat	LC50 Hít phải Khí.	Chuột	390 ppm	4 giờ
	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	6 g/m ³	2 giờ
	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	390 ppm	4 giờ
	LD50 Ngoài da	Thỏ	>17600 mg/kg	-
	LD50 Vào trong màng bụng	Chuột	1230 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột thí nghiệm	4700 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	6 g/kg	-
	LD50 Đường miệng	Thỏ	3200 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	10768 mg/kg	-
	LD50 Ngoài da	Thỏ	>5 g/kg	-
2-methoxy-1-methylethyl acetate	LD50 Vào trong màng bụng	Chuột	750 mg/kg	-
	LD50 Vào trong màng bụng	Chuột	>1500 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	>5000 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	8532 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	9000 mg/kg	-
1-metoxo-2-propanol	LC50 Hít phải Khí.	Chuột	10000 ppm	5 giờ
	LD50 Ngoài da	Thỏ	13 g/kg	-
	LD50 Vào trong màng bụng	Chuột	3720 mg/kg	-
	LD50 Vào trong tĩnh mạch	Chuột	5300 mg/kg	-
	LD50 Vào trong tĩnh mạch	Thỏ	1200 mg/kg	-
	LD50 Vào trong tĩnh mạch	Chuột	4200 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	11700 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Thỏ	5700 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	6600 mg/kg	-
	LD50 Dưới da	Thỏ	5 g/kg	-
	LD50 Dưới da	Chuột	7800 mg/kg	-
	LC50 Hít phải Khí.	Chuột	5000 ppm	4 giờ
	LC50 Hít phải Khí.	Chuột	6700 ppm	4 giờ
	LC50 Hít phải Khí.	Chuột	6670 ppm	4 giờ
	LD50 Vào trong màng bụng	Chuột	1548 mg/kg	-
xylene	LD50 Vào trong màng bụng	Chuột	1548 mg/kg	-
	LD50 Vào trong màng bụng	Chuột	2459 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	2119 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	4300 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	4300 mg/kg	-
	LD50 Dưới da	Chuột	1700 mg/kg	-

Kích ứng/Ăn mòn

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm	Theo dõi tác dụng kích ứng
butylaxetat	Mắt - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	100 mg	-
	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	24 giờ 500 mg	-
1-metoxo-2-propanol	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 mg	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	500 mg	-
xylene	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	87 mg	-
	Mắt - Chất gây khó chịu nghiêm trọng	Thỏ	-	24 giờ 5 mg	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Chuột	-	8 giờ 60 UI	-
	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	24 giờ 500 mg	-
	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	100 %	-

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Tính đột biến

Không có sẵn.

Tính gây ung thư

Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
butylaxetat	Loại 3	Không áp dụng.	Các tác dụng gây mê
2-methoxy-1-methylethyl acetate	Loại 3	Không áp dụng.	Các tác dụng gây mê
1-metoxo-2-propanol	Loại 3	Không áp dụng.	Các tác dụng gây mê
xylene	Loại 3	Không áp dụng.	Kích ứng đường hô hấp

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Tên	Kết quả
xylene	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- Tiếp xúc mắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Hít phải : Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Có thể gây uể oải hoặc chóng mặt.
- Tiếp xúc ngoài da : Gây kích ứng da nhẹ. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
- Nuốt phải : Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS).

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

- Tiếp xúc mắt : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ
- Hít phải : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tiếp xúc ngoài da	: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ
Nuốt phải	: Không có thông tin cụ thể gì.

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có thể gặp	: Không có sẵn.
Các tác dụng chậm có thể gặp	: Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp	: Không có sẵn.
Các tác dụng chậm có thể gặp	: Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Không có sẵn.	
Tổng quát	: Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.
Tính gây ung thư	: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính đột biến	: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Độc tính gây quái thai	: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể	: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Ảnh hưởng khả năng sinh sản	: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Lộ trình	Giá trị ATE (ước tính độ độc cấp tính)
Ngoài da	65614.7 mg/kg
Hít vào (các chất hơi)	656.1 mg/l

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
butylaxetat xylene	Cấp tính LC50 32 mg/l Nước biển	Loài tôm cua - Artemia salina	48 giờ
	Cấp tính LC50 100000 µg/l Nước ngọt	Cá - Lepomis macrochirus	96 giờ
	Cấp tính LC50 18000 µg/l Nước ngọt	Cá - Pimephales promelas	96 giờ
	Cấp tính LC50 185000 µg/l Nước biển	Cá - Menidia beryllina	96 giờ
	Cấp tính LC50 62000 µg/l Nước ngọt	Cá - Danio rerio	96 giờ
	Cấp tính EC50 90 mg/l Nước ngọt	Loài tôm cua - Cypris subglobosa	48 giờ
	Cấp tính LC50 8.5 ppm Nước biển	Loài tôm cua - Palaemonetes pugio - Trưởng thành	48 giờ
	Cấp tính LC50 8500 µg/l Nước biển	Loài tôm cua - Palaemonetes pugio	48 giờ

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

	Cấp tính LC50 15700 µg/l Nước ngọt	Cá - Lepomis macrochirus - Non (Non nớt, Mới nở, Mới cai sữa)	96 giờ
	Cấp tính LC50 20870 µg/l Nước ngọt	Cá - Lepomis macrochirus	96 giờ
	Cấp tính LC50 19000 µg/l Nước ngọt	Cá - Lepomis macrochirus	96 giờ
	Cấp tính LC50 13400 µg/l Nước ngọt	Cá - Pimephales promelas	96 giờ
	Cấp tính LC50 16940 µg/l Nước ngọt	Cá - Carassius auratus	96 giờ

Độ bền và khả năng phân hủy

Không có sẵn.

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	LogP _{ow}	BCF	Tiềm năng
butylaxetat	2.3	-	thấp
2-methoxy-1-methylethyl acetate	1.2	-	thấp
1-metoxy-2-propanol	<1	-	thấp
xylene	3.12	8.1 đến 25.9	thấp

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (K_{oc}) : Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.




XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Hơi của cặn sản phẩm có thể tạo ra một bầu khí quyển rất dễ cháy hoặc nổ trong dụng cụ đựng. Không cắt, hàn hoặc mài các dụng cụ đựng đã qua sử dụng trừ khi chúng đã được làm sạch cẩn thận phần bên trong. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG	IATA
Số UN	UN1263	UN1263	UN1263
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	PAINT	PAINT	PAINT

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

(các) nhóm nguy hại vận chuyển	3	3	3
			
Quy cách đóng gói	III	III	III
Mối nguy cho môi trường	Không.	Marine Pollutant(s): Not available.	No.

Thông tin bổ sung

IMDG : Danh mục cấp cứu F-E, _S-E_

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO : Không có sẵn.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Lịch sử

Ngày in : 15 Tháng Ba 2024

Ngày phát hành/ Ngày hiệu chỉnh : 2 Tháng 11 2023

Ngày phát hành lần trước : Trước đây chưa thẩm định

Phiên bản : 1

Bảng từ viết tắt

ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính

BCF = Hệ số nồng độ sinh học

GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu

IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế

IBC = Côngtenơ khổ trung

IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế

LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước

MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))

UN = Liên hợp quốc

Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

Phân loại	Cơ sở lý luận
CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 3 ẤN MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 3 NHẠY DA - Loại 1 ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Các tác dụng gây mê) - Loại 3	Căn cứ vào dữ liệu thử nghiệm Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán

Tham khảo : Không có sẵn.

☑ Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Thông tin trong bảng dữ liệu này (có thể được sửa đổi theo từng thời điểm) không dự trù được đầy đủ mọi khía cạnh và có độ tin cậy nhất định và được cho là đúng lúc nó được soạn thảo. Trách nhiệm của người sử dụng là xác minh rằng bảng dữ liệu này là hiện hành trước khi sử dụng sản phẩm mà nó liên quan.

Người sử dụng thông tin phải tự quyết định về sự phù hợp của sản phẩm có liên quan với mục đích của họ trước khi sử dụng. Trường hợp những mục đích này khác với những khuyến cáo cụ thể trong bảng dữ liệu an toàn này thì người sử dụng sẽ tự chịu rủi ro khi dùng sản phẩm.

KHUYẾN CÁO TỪ NHÀ SẢN XUẤT: các điều kiện, phương pháp và các yếu tố ảnh hưởng đến việc xử lý, lưu trữ, ứng dụng, sử dụng và hủy sản phẩm không thuộc thẩm quyền và kiến thức của nhà sản xuất. Do đó nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự kiện bất lợi nào có thể xảy ra trong việc xử lý, cất giữ, ứng dụng, sử dụng, lạm dụng hoặc hủy sản phẩm và, cho đến khi được luật pháp cho phép, nhà sản xuất sẽ từ chối trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ và tất cả các mất mát, thiệt hại và / hoặc chi phí phát sinh từ hoặc bằng cách nào đó liên quan đến việc lưu giữ, xử lý, sử dụng hoặc hủy sản phẩm. Việc xử lý, lưu trữ, sử dụng và hủy an toàn là trách nhiệm của người sử dụng. Người sử dụng phải tuân thủ tất cả các luật về sức khỏe và an toàn hiện hành.

Trừ khi chúng tôi đã đồng ý ngược lại, tất cả các sản phẩm được cung cấp bởi chúng tôi tuân theo các điều khoản và điều kiện kinh doanh chuẩn của chúng tôi, bao gồm các giới hạn về trách nhiệm pháp lý. Hãy đảm bảo tham khảo những điều khoản này và / hoặc thỏa thuận liên quan mà bạn có với AkzoNobel (hoặc chi nhánh của nó, tùy từng trường hợp).
© AkzoNobel

IA_493